

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 162b/2021/QĐ-ĐHGD ngày 26 tháng 8 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định)*

Tên chương trình: **Cử nhân Truyền thông đa phương tiện**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Truyền thông đa phương tiện**

Tên tiếng Anh: **Multimedia Communications**

Mã ngành: **7320104**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, có kiến thức và kỹ năng căn bản mỹ thuật ứng dụng, thiết kế đồ họa, truyền thông đại chúng và công nghệ truyền thông.

Mục đích giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về văn hóa nghệ thuật và báo chí truyền thông. Nhiệm vụ giai đoạn này đào tạo đạt được kỹ năng nhận diện tác phẩm, phân tích tác phẩm và hiện tượng văn hóa nghệ thuật mà sinh viên nhóm ngành văn hóa nghệ thuật cần đạt được. Đồng thời có kỹ năng cơ bản về tổng hợp và nắm bắt thông tin về một sự kiện hoặc một vấn đề có liên quan để thực hiện truyền tải trong quá trình tác nghiệp.

Mục đích giúp cho sinh viên nắm vững kiến về sáng tác, mỹ thuật tạo hình đồng thời hiểu được nguyên lý thiết kế đồ họa và kiến thức chuyên sâu về công nghệ truyền thông. Nhiệm vụ giai đoạn này đào tạo đạt được kỹ năng về cách làm báo và truyền tải thông tin đại chúng trên mọi bình diện phương tiện xã hội. Đồng thời, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng sáng tạo, thiết kế đồ họa truyền thông với các sản phẩm đồ họa phim, quảng cáo và thiết kế Web... Sau khi hoàn thiện chương trình đại học, sinh viên có thể có các kiến thức lý luận lịch sử mỹ thuật và mỹ thuật tạo hình; truyền thông và báo chí để có thể tham gia làm việc tại các công ty mỹ thuật ứng dụng, truyền thông đa phương tiện (công nghệ truyền thông), báo đài hoặc lĩnh vực đa văn hóa, đa phương tiện.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Áp dụng tốt kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn vào giải quyết các vấn đề trong suốt quá trình học tập, lao động, sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông đại chúng và đồ họa truyền thông;

- Có kiến thức cơ bản về báo chí và công nghệ truyền thông để tham gia vào trong quá làm việc tại các công ty truyền thông, quảng cáo và báo đài;

- Có kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá và trình bày một sự kiện văn hóa nghệ thuật, sự kiện xã hội cũng như trình bày được một kịch bản truyền thông bằng đồ họa vi tính. Phát triển tốt kỹ năng ngoại ngữ – tin học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khai thác tư liệu tiếng anh chuyên ngành đồ họa truyền thông và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, đa lĩnh vực;

- Có khả năng thực hiện công việc của nhà đồ họa mỹ thuật truyền thông (Multi Media art designer): Quản lý truyền thông đại chúng; Hoàn thành kịch bản một sự kiện xã hội, văn hóa nghệ thuật; Truyền tải thông tin trước công chúng; Thiết kế các trang báo và tạp chí; Thiết kế quảng cáo (Advertising Designer); Tổ chức sự kiện; Thiết kế Web; Thiết kế ứng dụng cho điện thoại và smart book; Thiết kế các đoạn phim quảng cáo ngắn bằng cách xử lý ảnh, After effect, Premiere; Đồ họa game;

- Có ý thức chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật chung của nhà nước, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân. Xây dựng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tác phong của một người nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh truyền thông đại chúng. Chủ động khai thác nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế để hình thành năng lực thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc đa lĩnh vực, đa văn hóa;

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đại học ngành Truyền thông đa phương tiện sẽ có các kiến thức sau:

#### **2.1.1. *Khối kiến thức giáo dục đại cương***

- Vận dụng được nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MácLênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức lý luận chính trị, an ninh quốc phòng vào học tập, lao động, sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông đại chúng;

- Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh đáp ứng yêu cầu liên quan đến chuyên ngành được đào tạo;

- Có kiến thức về đại số tuyến tính, toán ứng dụng, toán rời rạc để phục vụ học tập, nghiên cứu trong ngành truyền thông;

- Hiểu được các khái niệm cơ bản trong tin học, cấu tạo máy tính, biểu diễn và xử lý thông tin trong máy tính, mạng máy tính và các dịch vụ liên quan. Sử dụng thành thạo các phần mềm, dịch vụ thông dụng. Nắm được các nguy cơ mất an toàn thông tin, các phần mềm độc hại đối với máy tính. Nắm được một số công cụ đơn giản để bảo vệ máy tính và an toàn thông tin cá nhân;

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ lập trình. Nắm được các cấu trúc cơ bản để xây dựng chương trình với các công cụ để soạn thảo, biên dịch, thực thi và sửa lỗi một chương trình máy tính. Nắm được cách giải quyết bài toán, vấn đề dựa trên nguyên lý lập trình cấu trúc dưới hình thức thư viện;

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục Quốc phòng và an ninh nhân dân;

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, hiểu được tầm quan trọng của giáo dục thể chất đối với việc phát triển sức khỏe thể chất và nâng cao năng lực vận động của bản thân.

### ***2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành***

- Hiểu những đặc điểm tâm lý của con người trong hoạt động truyền thông, Hướng cho sinh viên hiểu nghệ thuật truyền thông trước đám đông để đạt được kết quả truyền thông cao nhất;

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về dự án và quản lý dự án đa phương tiện như: Quy trình quản lý dự án, hoạt động quản lý quy mô, thời gian, chi phí, chất lượng và rủi ro của dự án;

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về marketing, các nguyên tắc và quy trình marketing, các hoạt động marketing trong doanh nghiệp;

- Nắm được các kiến thức cơ bản về truyền thông đa phương tiện, các nguyên lý truyền thông, thu thập và khái thác dữ liệu phục vụ truyền thông; Nắm được cách viết biên tập văn bản, tài liệu truyền thông; Nắm được các nghiệp vụ truyền thông cơ bản như: phỏng vấn, chụp ảnh, ghi hình, ghi âm, thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin truyền thông;

- Hiểu được các khái niệm về đồ họa cơ bản, có cách nhìn thiết kế đồ họa đẹp và chuyên nghiệp, sử dụng các công cụ hiện đại để thiết kế các sản phẩm truyền thông đa phương tiện bằng hình ảnh, audio và video để phục vụ truyền thông quảng cáo.

### ***2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành***

- Hiểu được các khái niệm trong quan hệ công chúng. Biết vai trò của PR trong hoạt động truyền thông. Nắm rõ vai trò của truyền thông trong quản trị tổ chức, văn hóa và doanh nghiệp. Từ đó, có thể áp dụng hiểu biết về PR truyền thông kết hợp với

hiểu biết về các hoạt động quảng cáo, tư duy và sáng tạo trong quảng cáo để xây dựng các chiến lược marketing trên nền tảng kỹ thuật số và mạng xã hội phù hợp;

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về cấu trúc dữ liệu cơ bản, các thuật toán để có phương pháp tư duy logic để giải quyết bài toán đặt ra. Cung cấp cho sinh viên cách thiết kế xây dựng cơ sở dữ liệu theo các chuẩn. Hiểu được các khái niệm về công nghệ phần mềm, áp dụng công nghệ các tiêu chuẩn công nghệ trong ngành công nghệ thông tin một cách hiệu quả. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng, thiết kế và quản trị một website dựa trên một số nền tảng công nghệ sẵn có một cách hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên nắm được kiến thức về trí tuệ nhân tạo để giải quyết các bài toán với bộ dữ liệu lớn đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0;

- Hiểu được cách dựng hình 3D cơ bản, phương pháp tạo hình 3Dx Max, hiểu về vật liệu, ánh sáng, camera để tạo dựng sản phẩm 3D thành công. Hiểu được cách thiết kế hình khối cơ bản và đồ vật trong hình họa và mỹ thuật. Từ đó, ứng dụng công nghệ để thiết kế các sản phẩm đồ họa đa phương tiện một cách hiệu quả. Ngoài ra sinh viên hiểu được kiến thức nhiếp ảnh qua đó sinh viên có thể chụp được các đối tượng như người, động vật, phong cảnh, ... giống thực, sinh động và có sức sống;

- Ngoài ra, sinh viên có thể hoàn thành một chuyên đề truyền thông đa phương tiện trên nền tảng kiến thức đã học, sinh viên sẽ tiếp cận theo các chủ đề trong truyền thông đa phương tiện giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã được trang bị để xây dựng một sản phẩm truyền thông theo chủ đề sinh viên yêu thích trong quá trình học và đó cũng là tiền đề để sinh viên lựa chọn và định hướng đăng ký học các môn học chuyên ngành sâu phù hợp với khả năng, sở thích của từng sinh viên.

## **2.2. Kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng cứng**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đại học ngành Truyền thông đa phương tiện có các kỹ năng sau:

- Biên tập đa phương tiện:
  - + Video clip quảng cáo
  - + Các chương trình truyền hình báo chí và tạp chí
  - + Các nội dung báo chí phục vụ truyền thông
- Thiết kế các sản phẩm đồ họa cơ bản phục vụ cho công tác truyền thông như:
  - + Bộ nhận diện thương hiệu
  - + Poster quảng cáo
  - + Các ấn phẩm báo chí

- Thiết kế và phát triển các sản phẩm phần mềm đa phương tiện bao gồm:
  - + Các hệ thống website
  - + Games
  - + Phần mềm ứng dụng trên di động
- Hệ thống cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet
- Hoạch định chiến lược truyền thông, chiến lược marketing, tổ chức sự kiện;
- Xây dựng và phát triển thương hiệu
- Quản lý một dự án công nghệ thông tin quy mô nhỏ.

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

- Kỹ năng giải quyết vấn đề: Thể hiện được kỹ năng phân tích tình hình, tổng hợp thông tin và đưa ra giải pháp cho các vấn đề nảy sinh trong công việc và cuộc sống;
- Kỹ năng làm việc độc lập, có thể tự đánh giá kết quả và hoàn thành công việc đúng hạn;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm: Thể hiện kỹ năng làm việc theo nhóm một cách hiệu quả và khả năng làm việc trong nhóm đa văn hóa, đa ngôn ngữ;
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Có khả năng lãnh đạo, điều phối và làm chủ được tình hình trước những thay đổi, biến động xảy ra trong lĩnh vực công tác, thể hiện được phong cách lãnh đạo khoa học và hiện đại, gương mẫu trong công việc;
- Kỹ năng giao tiếp: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức tốt thông qua các hình thức văn bản và lời nói. Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ phi lời nói trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng;
- Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ: có khả năng nghe, nói, đọc viết tiếng Anh đáp ứng yêu cầu liên quan đến chuyên ngành đào tạo;
- Kỹ năng thích ứng: Có kỹ năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thực tế cuộc sống và công việc;
- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin: Khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và mạng internet trong học tập, công việc và nghiên cứu khoa học.

### **2.3. Yêu cầu mức tự chủ và trách nhiệm**

- Đào tạo năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành kinh doanh quốc tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của mình;
- Có ý thức tự rèn luyện, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, có định hướng phát triển tương lai;

- Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

#### **2.4. Yêu cầu về thái độ**

- Thể hiện ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị đạo đức, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác nhau;

- Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, thể hiện sự tôn trọng và ý thức chấp hành sự phân công, điều động trong công việc của người quản lý;

- Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình;

- Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp. Phương pháp và phong cách làm việc khoa học, có thái độ cầu tiến và vượt khó, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác.

- Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân;

- Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

#### **2.5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành truyền thông đa phương tiện có thể làm việc ở rất nhiều các cơ quan, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực truyền thông, giải trí, quảng cáo, giáo dục, kinh doanh. Các vị trí công việc có thể đảm nhận như: Quản lý, biên tập, xây dựng các nội dung báo chí, ấn phẩm, bìa sách;

- Biên tập, xây dựng các chương trình truyền hình, phim điện ảnh, xử lý âm thanh, hình ảnh trước khi phát sóng, thiết kế các nội dung truyền hình, hay làm các kỹ xảo điện ảnh;

- Chuyên gia thiết kế, tư vấn quảng cáo, thiết kế bao bì, nhãn hiệu sản phẩm, thiết kế logo, làm phim quảng cáo, ... hoặc một hệ thống nhận dạng thương hiệu cho doanh nghiệp;

- Thiết kế, xây dựng website, thiết kế giao diện, thiết kế chức năng, xây dựng nội dung website;

- Thiết kế đồ họa, mô phỏng, ứng dụng trong y học, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, giáo dục, ...;

- Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, giáo dục đại học hoặc trung cấp chuyên nghiệp có liên quan đến ngành.

## 2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Đáp ứng được với các yêu cầu học tập ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện;
- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến truyền thông.

## 2.7. Các tài liệu, chương trình, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo

Chương trình đào tạo chi tiết được Trường Đại học Gia Định xây dựng được tham khảo từ các chương trình và tài liệu đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học trong nước: Chương trình và tài liệu ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học FPT, Đại học Công nghệ TP. HCM, Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ...

Tham khảo các chương trình và tài liệu đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của các trường Thái Lan như Đại học Bangkok, Đại học Assumption, Đại học Chulalongkorn và chương trình và tài liệu đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của các trường Hàn Quốc như Đại học Korea, Đại học Dankook, Đại học Sungkyunkwan, ...

## 3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 03 năm với 08 học kỳ.

## 4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là **120 tín chỉ**, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ).

Nội dung	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn
<b>Kiến thức Giáo dục đại cương</b> <i>Chưa tính khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.</i>	<b>53</b>	<b>47</b>	<b>06</b>
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>67</b>	<b>58</b>	<b>09</b>
▪ Kiến thức cơ sở ngành	18	15	03
▪ Kiến thức ngành	21	18	03
▪ Kiến thức chuyên ngành	18	15	03
▪ Thực tập tốt nghiệp	4	4	0
▪ Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>120</b>	<b>105</b>	<b>15</b>

## 5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT

## 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

### 6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện trong 3 năm gồm 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ hoàn thành khóa luận hoặc thực tập tại cơ sở thực tế. Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, dựa trên Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học.

### 6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định, cụ thể:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có các Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục Thể chất.

## 7. Thang điểm

Thực hiện đánh giá, cho điểm quá trình kiểm tra, đánh giá học phần, thi kết thúc học phần theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn tới một chữ số thập phân và quy đổi thành điểm chữ (A, B, C, ...) và điểm số tương ứng theo thang điểm 4 (từ 0 đến 4) theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

TT	Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
			Điểm chữ	Điểm số
1		Từ 8,5 đến 10,0	A	4,0



2	ĐẠT	Từ 7,0 đến 8,4	B	3,0
3		Từ 5,5 đến 6,9	C	2,0
4		Từ 4,0 đến 5,4	D	1,0
5	KHÔNG ĐẠT	Từ 0,0 đến 3,9	F	0,0

## 8. Nội dung chương trình đào tạo: 120 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> (Không bao gồm Giáo dục Thể chất – 3TC và Giáo dục Quốc phòng – An ninh – 8TC)			<b>53 TC</b>			
<b>1.1. Chính trị, pháp luật</b>			<b>11 TC</b>			
1	DC001113001	Triết học Mác – Lênin	3			
2	DC001112002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			
3	DC001112003	Chủ nghĩa Khoa học xã hội	2			
4	DC001112004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			
5	DC001112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
<b>1.2. Khoa học – Công nghệ - Kỹ thuật</b>			<b>9 TC</b>			
6	DC031113031	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3			
7	DC031113040	Công dân số	3			
8	DC031113023	Quản trị học	3			
<b>1.3. Khai phóng</b>			<b>9 TC</b>			
9	DC001113017	Nghệ thuật và nhân văn	3			
10	DC001113018	Trí tuệ và văn hóa	3			
11	DC001113019	Con người và môi trường	3			
<b>1.4. Tư duy, kỹ năng</b>			<b>12 TC</b>			
12	DC001113020	Tư duy tích cực và đổi mới sáng tạo	3			
13	DC001113021	Phong cách làm việc chuyên nghiệp	3			
14	DC001113012	Kỹ năng mềm	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
15	IB031113003	Phương pháp học đại học và định hướng nghề nghiệp	3			
<b>1.5. Tiếng Anh</b>			<b>9 TC</b>			
16	DC001113007	Tiếng Anh 1	3			
17	DC001113008	Tiếng Anh 2	3			
18	DC001113009	Tiếng Anh 3	3			
<b>1.6. Tin học</b>			<b>3 TC</b>			
19	DC001113006	Tin học văn phòng	3			
<b>1.7. Giáo dục thể chất</b>			<b>3 TC</b>			
20	DC001113010	Giáo dục thể chất	3			
<b>1.8. Giáo dục Quốc phòng</b>			<b>8 TC</b>			
21	DC001118011	Giáo dục Quốc phòng	8			
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>67 TC</b>			
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>18 TC</b>			
<b>2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>			<b>15 TC</b>			
22	BL031113006	Quan hệ công chúng	3			
23	MC031113017	Đạo đức và pháp luật truyền thông	3			
24	MC031113018	Thiết kế và quản trị sân khấu	3			
25	DC031113026	Marketing căn bản	3			
26	MC031113001	Nhập môn truyền thông	3			
<b>2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)</b>			<b>3 TC</b>			
27	MC031113019	Kỹ năng nói trước công chúng	3			
28	MC031113009	Giao tiếp truyền thông	3			
29	MC031113020	Cảm thụ nghệ thuật	3			
30	MC031113021	Lịch sử Truyền hình, điện ảnh Thế Giới và Việt Nam	3			
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>21 TC</b>			
<b>2.2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>18 TC</b>			
31	MC031113003	Xây dựng và phát triển nội dung	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
32	MC031113024	Kỹ thuật AV	3			
33	MC031113002	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	3			
34	MC031113004	Truyền thông xã hội	3			
35	MC031113022	Các phương pháp nghiên cứu truyền thông	3			
36	MC031113006	Tiếng Anh chuyên ngành TT	3			
<b>2.2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)</b>			<b>3 TC</b>			
37	MC031113007	Chiến lược Marketing sản phẩm truyền thông	3			
38	MC031113008	Ngôn ngữ truyền thông	3			
39	MC031113023	Kỹ năng truyền thông chuyên nghiệp	3			
40	MC031113033	New media	3			
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>			<b>18 TC</b>			
<b>2.3.1. Kiến thức chuyên ngành Truyền thông giao tiếp</b>						
<b>2.3.1.1. Kiến thức chuyên sâu bắt buộc</b>			<b>15 TC</b>			
41	MC031113011	Viết cho PR	3			
42	MC031113024	Quản trị truyền thông doanh nghiệp	3			
43	MC031113012	Chiến lược PR	3			
44	MC031113013	Tổ chức sự kiện	3			
45	MC031113014	PR chuyên biệt	3			
<b>2.3.1.2. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 1 trong 3 HP)</b>			<b>3 TC</b>			
46	MC031113015	Xử lý khủng hoảng	3			
47	MA031113003	Digital Marketing	3			
48	MC031113034	Tổ chức và quản trị sự kiện	3			
<b>2.3.2 Kiến thức chuyên ngành Truyền hình, điện ảnh, quảng cáo</b>						
<b>2.3.2.1 Kiến thức chuyên sâu bắt buộc</b>			<b>15 TC</b>			
49	MC031113017	Quản trị dự án truyền thông	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
50	MC031113018	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3			
51	MC031113019	Sản xuất chương trình truyền hình	3			
52	MC031113025	Sản xuất phim	3			
53	MC031113021	Sản xuất sản phẩm Quảng cáo (TVC)	3			
<b>2.3.2.2 Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 1 trong 3 HP)</b>			<b>3 TC</b>			
54	MC031113026	Cấu trúc khung chương trình	3			
55	MC031113027	Nghiệp vụ đạo diễn	3			
56	MC031113028	Sản xuất chương trình phát thanh	3			
<b>2.4. Thực tập tốt nghiệp/Đào tạo trong DN</b>			<b>10 TC</b>			
<b>2.4.1. Học kỳ doanh nghiệp</b>			<b>10 TC</b>			
57	MC0311110025	Học kỳ doanh nghiệp – Truyền thông	10			
<b>2.4.2. Thực tập tốt nghiệp + Báo cáo tốt nghiệp</b>			<b>10 TC</b>			
58	MC031114026	Thực tập tốt nghiệp – Truyền thông	4			
59	MC031116027	Báo cáo tốt nghiệp – Truyền thông	6			
<b>2.4.3. Thực tập tốt nghiệp + Môn học thay thế</b>			<b>10 TC</b>			
<b>2.4.3.1. Thực tập tốt nghiệp</b>			<b>4</b>			
60	MC031114026	Thực tập tốt nghiệp – Truyền thông	4			
<b>2.4.3.2. Môn học thay thế</b>			<b>6</b>			
61	MC031113029	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
62	MC031113030	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong Truyền thông	3			
<b>2.4.4. Đề tài tốt nghiệp + Môn học thay thế</b>			<b>10</b>			
<b>2.4.4.1 Đề tài tốt nghiệp TT</b>			<b>4</b>			
63	MC031114032	Đề tài tốt nghiệp – TT	4			
<b>2.4.4.2. Môn học thay thế</b>			<b>6</b>			
64	MC031113029	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
65	MC031113030	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong Truyền thông	3			

## 9. Khung chương trình

### 9.1. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>			<b>18</b>	
1	DC001113001	Triết học Mác – Lênin	3	
2	DC031113031	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	
3	DC001113017	Nghệ thuật và nhân văn	3	
4	IB031113003	Phương pháp học đại học và định hướng nghề nghiệp	3	
5	DC001113007	Tiếng Anh 1	3	
6	DC001113010	Giáo dục thể chất (*)	3	
<b>Học kỳ 2</b>			<b>21</b>	
1	DC001112002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
2	DC001112003	Chủ nghĩa Khoa học xã hội	2	
3	DC001113020	Tư duy tích cực và đổi mới sáng tạo	3	
4	DC001113008	Tiếng Anh 2	3	
5	DC001113012	Kỹ năng mềm	3	
6	DC001113018	Trí tuệ và văn hóa	3	
7	DC001113019	Con người và môi trường	3	
<b>Học kỳ 3</b>			<b>21</b>	
1	DC001113009	Tiếng Anh 3	3	
2	DC001112004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
3	DC001112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	DC001113006	Tin học văn phòng	3	
5	DC001118011	Giáo dục Quốc phòng	8	
6	DC031113023	Quản trị học	3	
7	DC031113040	Công dân số	3	
<b>Học kỳ 4</b>			<b>18</b>	
1	BL031113006	Quan hệ công chúng	3	
2	MC031113017	Đạo đức và pháp luật truyền thông	3	
3	MC031113018	Thiết kế và quản trị sân khấu	3	
4	DC031113026	Marketing căn bản	3	
5	MC031113001	Nhập môn truyền thông	3	
6	MC031113009	Giao tiếp truyền thông	3	
<b>Học kỳ 5</b>			<b>18</b>	

<b>TT</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Ghi chú</b>
1	IB031113008	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	
2	DC031113027	Kinh tế quốc tế	3	
3	DC031113029	Quản trị dự án	3	
4	IB031113011	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	
5	IB031113012	Marketing quốc tế	3	
6	KD031113009	Luật thương mại quốc tế	3	
<b>Học kỳ 6</b>			<b>21</b>	
1	MC031113003	Xây dựng và phát triển nội dung	3	
2	MC031113024	Kỹ thuật AV	3	
3	MC031113002	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	3	
4	MC031113004	Truyền thông xã hội	3	
5	MC031113022	Các phương pháp nghiên cứu truyền thông	3	
6	MC031113006	Tiếng Anh chuyên ngành TT	3	
7	MC031113007	Chiến lược Marketing sản phẩm truyền thông	3	
<b>Học kỳ 7</b>			<b>14</b>	
<b>* Chuyên ngành Truyền thông giao tiếp</b>			<b>18</b>	
1	MC031113011	Viết cho PR	3	
2	MC031113024	Quản trị truyền thông doanh nghiệp	3	
3	MC031113012	Chiến lược PR	3	
4	MC031113013	Tổ chức sự kiện	3	
5	MC031113014	PR chuyên biệt	3	
<b>Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần</b>			<b>3</b>	
6	MC031113015	Xử lý khủng hoảng	3	
7	MA031113003	DigitalMarketing	3	
8	MC031113034	Tổ chức và quản trị sự kiện	3	
<b>* Chuyên ngành Truyền hình, điện ảnh, quảng cáo</b>			<b>18</b>	
1	MC031113017	Quản trị dự án truyền thông	3	
2	MC031113018	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3	
3	MC031113019	Sản xuất chương trình truyền hình	3	
4	MC031113025	Sản xuất phim	3	
5	MC031113021	Sản xuất sản phẩm Quảng cáo (TVC)	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
<b>Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần</b>			<b>3</b>	
6	MC031113026	Cấu trúc khung chương trình	3	
7	MC031113027	Nghiệp vụ đạo diễn	3	
8	MC031113028	Sản xuất chương trình phát thanh	3	
<b>Học kỳ 8</b>			<b>10</b>	
<b>1. Học kỳ doanh nghiệp</b>			<b>10</b>	
1	MC0311110025	Học kỳ doanh nghiệp (JOT – truyền thông)	4	
<b>2. Thực tập tốt nghiệp + Báo cáo tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	
1	MC031114026	Thực tập tốt nghiệp – Truyền thông	4	
2	MC031116027	Báo cáo tốt nghiệp – Truyền thông	6	
<b>3. Thực tập tốt nghiệp + Môn học thay thế</b>			<b>10</b>	
1	MC031114026	Thực tập tốt nghiệp – Truyền thông	4	
2	MC031113029	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
3	MC031113030	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong Truyền thông	3	
<b>4. Đề tài tốt nghiệp + Môn học thay thế</b>			<b>10</b>	
1	MC031114032	Đề tài tốt nghiệp – Truyền thông	4	
2	MC031113029	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
3	MC031113030	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong Truyền thông	3	
<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>120</b>	

## 9.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo được xây dựng dựa theo khung Chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được thực hiện ở tất cả các cơ sở đào tạo bậc đại học. Chương trình gồm 120 tín chỉ, trong đó phần kiến thức giáo dục đại cương 53 tín chỉ (44,2%) và phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 67 tín chỉ (55,8%); bao gồm 18 tín chỉ các môn Cơ sở ngành, 21 tín chỉ các môn kiến thức ngành, 18 tín chỉ kiến thức chuyên ngành, 10 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và khóa luận; Chương trình có 105 tín chỉ học phần bắt buộc, 15 tín chỉ học phần tự chọn.

- Quy đổi tiết giảng theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định.

01 tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng được tính bằng 50 phút.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện, bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn (kể cả phần GDTC và GDQP-AN).

Phòng Đào tạo đại học và Khoa KHXH-NN có nhiệm vụ phối hợp thực hiện chương trình theo chuẩn đầu ra. Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Khoa phải lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực ngành Truyền thông đa phương tiện do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh Đề cương chi tiết môn học.

### **9.2.1. Môn tự chọn**

Trường/Khoa sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Hàng năm, phân kiến thức tự chọn có thể được thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

### **9.2.2. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Gia Định.

Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp hoặc đề án tốt nghiệp hoặc không muốn làm sẽ đăng ký học các học phần chuyên môn thay thế theo quy định trong chương trình đào tạo, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp hoặc đề án tốt nghiệp.

Trường ban hành quy định cụ thể về tổ chức, thực hiện và cách thức đánh giá khóa luận tốt nghiệp hoặc đề án tốt nghiệp.

Sinh viên đủ điều kiện sẽ thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp.

### **9.2.3. Phương pháp dạy - học**

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy/học tích cực;

- Đảm bảo sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho sinh viên;

- Nhà trường đảm bảo và cung cấp, hướng dẫn cho sinh viên các thông tin về giáo trình, tài liệu học tập để sinh viên quyết định lựa chọn tài liệu học tập phù hợp học phần. Nhà trường khuyến khích, tạo mọi điều kiện, lịch trình học tập để sinh viên có năng động và chủ động trong tự học, tự tìm hiểu thu nhận kiến thức môn học;



- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập, phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên, tổ chức kiểm tra khi kết thúc mỗi học phần.

#### ***9.2.4. Đánh giá học phần***

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

#### ***9.2.5. Cách tính điểm***

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Điểm trung bình chung học tập của mỗi năm học, mỗi khoá học được tính theo công thức đã quy định.

Xếp loại kết quả học tập theo quy định chung./.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2021*

**TRƯỞNG KHOA  
KHOA KHXH - NN**

**BAN GIÁM HIỆU  
HIỆU TRƯỞNG**

*Đã ký*

*Đã ký*

**ThS. Trần Thái Thông**

**PGS.TS.LS. VÕ TRÍ HẢO**